

Thời gian gần đây, xuất khẩu nông sản nói chung và xuất khẩu gạo của Việt Nam nói riêng, được bàn đến trên nhiều diễn đàn. Trong những năm qua, các mặt hàng nông sản, trong đó có mặt hàng gạo đã đóng góp lớn và kim ngạch xuất khẩu và có mức tăng trưởng khá liên tục nhiều năm liền, tuy nhiên lại suy giảm kể từ đầu năm 2015 đến nay.

Riêng năm 2014, xuất khẩu gạo của cả nước đạt gần 6,38 triệu tấn, trị giá 2,96 tỷ USD (giảm 3,25% về lượng nhưng tăng nhẹ 1,03% về kim ngạch so với năm 2013). Theo số liệu báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 7 tháng đầu năm 2015, cả nước xuất khẩu được khoảng 3,72 triệu tấn gạo các loại, đạt 1,59 tỷ đô la Mỹ, giảm 3,1% về lượng và 8,3% về giá trị so với cùng kỳ.

Mặt hàng gạo là sản phẩm xuất khẩu chủ lực và là hàng hóa quan trọng có ảnh hưởng lớn đến đời sống của gần 10 triệu hộ gia đình nông dân. Do đó, việc tiêu thụ tốt lúa, gạo hàng hóa có ý nghĩa rất quan trọng góp phần bảo đảm phát triển kinh tế nông nghiệp, an sinh xã hội.

Nguyên nhân khách quan của tình hình trên do nhiều yếu tố, trong đó đáng chú ý là do nguồn cung gạo trên thế giới dồi dào,

HOÀN THIỆN MỘT SỐ GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH NHẪM THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU GẠO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

*ThS. Nguyễn Thị Trúc Phương **

những nước xuất khẩu gạo lớn đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu làm cho cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi những nước nhập khẩu gạo tiếp tục tăng cường năng lực sản xuất lúa gạo, bảo hộ sản xuất lúa gạo trong nước, có xu hướng chuyển đổi phương thức nhập khẩu gạo, đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm giá nhập khẩu gạo. Bên cạnh đó, còn có những nguyên nhân chủ quan như chất lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu của một số thị trường, nhất là những thị trường có yêu cầu cao về tiêu chuẩn, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; chi phí, giá thành sản xuất một số sản phẩm lúa, gạo còn cao, chưa cạnh tranh...

Vì vậy, trong nhóm giải pháp về tài chính, bên cạnh các hoạt động tín dụng ngân hàng thương mại (NHTM), thì việc hoàn thiện các chính sách và triển khai có hiệu quả các biện pháp về bảo hiểm tín dụng xuất khẩu (BHTDXX), tín dụng xuất khẩu qua Ngân hàng phát triển (NHPT), tín dụng nhà nước,... trong sự phối hợp với hoạt động tín dụng NHTM có vai trò

đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu gạo bền vững của Việt Nam, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Bài viết xin bàn về một số nội dung này.

1. Hoàn thiện và phát triển hoạt động bảo hiểm tín dụng xuất khẩu gạo

Trong bối cảnh sự phát triển của nền kinh tế nước ta phụ thuộc nhiều vào hoạt động xuất khẩu như hiện nay thì việc đảm bảo cho các rủi ro trong xuất khẩu, trong đó có xuất khẩu gạo là một yêu cầu tất yếu đặt ra. Trong số các loại hình bảo hiểm, phải kể đến một loại hình bảo hiểm vừa được triển khai thí điểm nhưng có ý nghĩa rất quan trọng tới sự an toàn của hoạt động xuất khẩu nói chung, xuất khẩu gạo nói riêng đó là Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu.

Ngày 5/11/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2011/QĐ-TTg về triển khai thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu giai đoạn 2011 - 2013. Theo đó, mục tiêu đến cuối 2013 đạt tối đa 3% kim ngạch xuất khẩu được bảo hiểm tín dụng xuất khẩu. Qua 3

* Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

 **AGRIBANK**

Mang phần thịnh đến khách hàng

Chuyên mục này do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tài trợ



Trong thời gian qua, các giải pháp cho thúc đẩy xuất khẩu gạo vùng ĐBSCL mới nổi lên các hoạt động từ phía NHTM.

năm thực hiện triển khai thí điểm Đề án, BHTDXK giai đoạn 2011 - 2013 với 7 doanh nghiệp được lựa chọn triển khai thí điểm gồm Bảo Việt, Bảo Minh, PVI, QBE, UIC, Bảo Việt Tokio Marine và AIG bước đầu đã mang lại kết quả tích cực.

Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo có nhu cầu tham gia tín dụng xuất khẩu rất lớn do gạo là mặt hàng xuất khẩu nhiều, do đó, việc triển khai BHTDXK là cơ hội tốt để doanh nghiệp mở rộng thị trường.

BHTDXK có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với các tổ chức xuất khẩu mà còn là công cụ hỗ trợ đắc lực của nhà nước cho hoạt động xuất khẩu. Cụ thể BHTDXK có một số ý nghĩa cơ bản sau trong lĩnh vực xuất khẩu gạo:

- Đối với các tổ chức xuất khẩu gạo: i) Bảo vệ tài chính cho tổ chức xuất khẩu trong trường hợp nhà nhập khẩu gạo mất khả năng thanh toán, phá sản hoặc vì bất ổn chính trị tại quốc gia nhập khẩu; ii) Tạo ra lợi thế cạnh tranh cho nhà xuất khẩu trong việc chủ động cung cấp tín dụng cho người mua gạo, tự tin khi xâm nhập thị trường xuất khẩu mới, tăng năng lực tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng và tổ chức tài chính, qua đó

phát huy tối đa năng lực sản xuất lúa gạo và cung cấp hàng hóa dịch vụ, mở rộng thị trường xuất khẩu gạo; iii) Bên cạnh đó, các tổ chức BHTDXK cũng là nguồn cung cấp thông tin thị trường, năng lực và tình hình tài chính của người mua gạo. Bởi vậy, giúp nhà xuất khẩu gạo thực hiện các giao dịch kinh doanh an toàn và hiệu quả hơn.

- Đối với quốc gia xuất khẩu gạo như Việt Nam, do hoạt động xuất khẩu gạo được đảm bảo an toàn, hiệu quả nên góp phần thúc đẩy xuất khẩu gạo nói riêng, các mặt hàng xuất khẩu khác nói chung và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Nhằm phát triển hơn nữa BHTDXK nói chung và xuất khẩu gạo nói riêng của Việt Nam thời gian tới, rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa BHTDXK với mở rộng tín dụng NHTM. Để thực hiện mục tiêu này tác giả xin đề xuất một số vấn đề sau:

- Một là, NHNN cần nghiên cứu áp dụng cơ chế cho phép NHTM sử dụng các hợp đồng tín dụng xuất khẩu như một khoản đảm bảo tiền vay nói chung và đảm bảo tiền vay đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gạo nói riêng.

- Hai là, về phía các tổ chức BHTDXK: Gia tăng tìm kiếm sự

hợp tác với các công ty BHTDXK quốc tế hàng đầu là cần thiết đối với hệ thống doanh nghiệp bảo hiểm trong nước để từ đó học hỏi kinh nghiệm, thiết lập cơ cấu chấp nhận và chuyển giao rủi ro bảo hiểm, tái bảo hiểm tín dụng phù hợp.

Về phía Chính phủ, khuyến khích tham gia bảo hiểm tín dụng của các các tổ chức xuất khẩu gạo: Để đẩy mạnh việc tham gia BHTDXK, bên cạnh việc tăng cường các biện pháp tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp mua bảo hiểm, Nhà nước cần nghiên cứu áp dụng quy chế cho phép NHTM được hỗ trợ lãi suất thông qua cơ chế NHNN cho vay tái cấp vốn với lãi suất thấp, cung cấp các gói tín dụng cụ thể để cho vay xuất khẩu gạo nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp xuất khẩu gạo khi tham gia BHTDXK.

- Ba là, để các doanh nghiệp tích cực tham gia BHTDXK thì cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Tài chính với Ngân hàng Nhà nước và các NHTM cũng như các doanh nghiệp Bảo hiểm. Do đặc điểm của loại sản phẩm này có mức phí bảo hiểm tương đối cao, nên mặc dù đã được nhà nước hỗ trợ 20% phí nhưng vẫn là khoản chi phí không nhỏ đối với doanh

nghiệp xuất khẩu. Vì vậy, khi doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính thì việc chấp nhận hợp đồng BHTDXK như một khoản đảm bảo tiền vay giúp doanh nghiệp có được một khoản tài chính tương đương với giá trị của hợp đồng bảo hiểm không những cứu được doanh nghiệp mà còn thúc đẩy doanh nghiệp đến với BHTDXK.

Bốn là, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các NHTM, doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp xuất khẩu trong việc cấp hạn mức tín dụng xuất khẩu. Đối với các doanh nghiệp có tham gia BHTDXK, ngân hàng có thể áp dụng biện pháp tăng thêm hạn mức tín dụng xuất khẩu.

Do ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế thế giới đối với Việt Nam nên phần lớn các doanh nghiệp xuất khẩu phải chịu những áp lực về tài chính ngày một gia tăng để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng hóa, trong đó có mặt hàng gạo. Đảm bảo khả năng tài chính cho các NHTM cũng như góp phần thúc đẩy phát triển BHTDXK cần được xem là công cụ tài chính quan trọng tại Việt Nam thời gian tới.

2. Hoàn thiện chính sách tín dụng nhà nước

Hiện nay, tín dụng nhà nước mới chỉ tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp nói chung, chưa hỗ trợ cho hộ nông dân trồng lúa, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thu mua và chế biến gạo xuất khẩu. Vì vậy, để nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng đầu tư nhà nước nhằm thúc đẩy xuất khẩu gạo tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, chính sách tín dụng đầu tư trong thời gian tới có thể xem xét:

Thứ nhất, xây dựng cơ chế lãi suất mở, linh hoạt, phù hợp với đặc thù, tình hình tài chính của

doanh nghiệp nói chung, trong đó có doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến sản xuất và xuất khẩu gạo, đối tượng dự án đầu tư và thực trạng quản trị rủi ro đối với từng dự án thay vì áp dụng lãi suất cố định đối với tất cả các loại dự án, có thể xem xét áp dụng lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định tùy theo các khoản vay khác nhau.

Thứ hai, để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh lúa gạo xuất khẩu, như: giống, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư và máy móc nông nghiệp, thu mua và chế biến gạo xuất khẩu tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi, cần nghiên cứu điều chỉnh tăng mức tối đa cho vay đối với một số dự án sản xuất lúa gạo có chất lượng cao, sản xuất lúa gạo tập trung, sản xuất lúa gạo theo mô hình liên kết,... lên 80% tổng vốn đầu tư của dự án, thay cho mức hiện nay là 70%.

Thứ ba, nghiên cứu, đánh giá và có lộ trình cho phép Ngân hàng Phát triển thực hiện cho vay vốn lưu động nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn cho các khách hàng thu mua, chế biến gạo xuất khẩu vay vốn tín dụng đầu tư tại NHPT, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh lúa gạo theo mô hình mới, theo các mô hình liên kết, mô hình giảm tổn thất sau thu hoạch có hiệu quả, đồng thời, tăng cường mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng, giúp NHPT theo dõi được dòng tiền và chủ động hơn trong việc thu hồi nợ trong hoạt động tín dụng nhà nước đối với lĩnh vực xuất khẩu gạo.

Thứ tư, nâng cao chất lượng tín dụng nhà nước nói chung trong đó có hoạt động tín dụng nhà nước cho ngành lúa gạo xuất khẩu khu

vực ĐBSCL, thông qua các kênh: đầu tư tín dụng nhà nước cho lĩnh vực giống lúa, cơ sở chế biến gạo, xây dựng kho chứa lúa gạo,... và hỗ trợ tín dụng sau đầu tư cho các lĩnh vực này. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo thực hiện có hiệu quả tín dụng nhà nước cho các mục tiêu hoạt động nói chung, cho xuất khẩu gạo nói riêng.

Thứ năm, những vấn đề còn bất cập tại Quyết định 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 đã được giải quyết tại Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 về thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng (BLTD) cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả hoạt động của Quỹ BLTD, thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu đặc thù các doanh nghiệp của vùng ĐBSCL để điều chỉnh các tiêu chí cho phù hợp nhằm tăng cường khả năng tiếp cận vốn, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các đối tượng này, như: (i) lãi suất cho vay thấp hơn đối với các dự án có chứng thư bảo lãnh của Quỹ BLTD; (ii) thủ tục bảo lãnh và thủ tục cho vay thuận tiện cho doanh nghiệp và các hộ gia đình khi vay vốn; (iii) mở rộng phạm vi bảo lãnh theo hướng bảo lãnh cho vay dự án đối với các dự án những mặt hàng có thế mạnh trong sản xuất và xuất khẩu của vùng ĐBSCL (như lúa gạo, cá basa, trái cây...) và đối với phương án sản xuất kinh doanh (áp dụng cho các hộ gia đình thực hiện sản xuất kinh doanh nhỏ).

3. Hoàn thiện chính sách tín dụng xuất khẩu qua Ngân hàng phát triển Việt Nam

Để làm rõ hơn cơ sở của việc đề

xuất giải pháp này, bài viết xin nêu khái quát lại một số vướng mắc đang triển khai trong thực tiễn. Hoạt động tín dụng đầu tư nhà nước chủ yếu do NHPT đảm nhận, thực hiện theo quy định tại Nghị định 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu, Nghị định 54/2013/NĐ-CP, ngày 22/5/2013 và Nghị định 133/2013/NĐ-CP, ngày 17/10/2013.

Vốn tín dụng xuất khẩu nhà nước trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL tập trung đầu tư hỗ trợ ngành nghề kinh tế mũi nhọn tại địa phương. Tuy nhiên, hoạt động tín dụng xuất khẩu qua NHPT chưa mở rộng sang lĩnh vực lúa gạo xuất khẩu, đồng thời đang có một số vướng mắc, cụ thể là:

Một là, do chịu tác động của khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới từ năm 2008 đến nay, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu gặp nhiều khó khăn: thị trường tiêu thụ các mặt hàng thế mạnh của vùng ĐBSCL như lúa gạo đang bị thu hẹp, hàng tồn kho tăng cao, trong đó có tồn kho gạo xuất khẩu tại một số thời điểm, khiến hoạt động tín dụng xuất khẩu tiềm ẩn nhiều rủi ro, chưa mạnh dạn mở rộng sang lĩnh vực lúa gạo xuất khẩu.

Hai là, các chi nhánh NHPT vùng ĐBSCL đã chú trọng đến tính an toàn trong giám sát hoạt động tài chính ngân hàng (tài sản đảm bảo, khả năng thanh toán nợ...) nên số lượng doanh nghiệp xuất khẩu nói chung, xuất khẩu gạo nói riêng có thể đáp ứng được yêu cầu cấp vốn là không nhiều.

Ba là, theo quy định của Nghị định 75/2011/NĐ-CP, mức vốn cho vay cho hoạt động tín dụng xuất khẩu tối đa bằng 85% giá trị

hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu đã ký hoặc giá trị L/C đối với cho vay trước khi giao hàng hoặc trị giá hối phiếu hợp lệ đối với cho vay sau khi giao hàng, đồng thời, phải đảm bảo mức vốn cho vay tối đa đối với mỗi nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu nước ngoài không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của NHPT. Việc hạn chế mức vốn tối đa cho vay cũng là yếu tố gây khó khăn cho NHPT trong việc mở rộng hoạt động tín dụng.

Do đó, để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính sách tín dụng xuất khẩu nói chung, trong đó có hoạt động xuất khẩu gạo tại vùng ĐBSCL nói riêng, Bài viết xin đề xuất một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng thẩm định khách hàng, trong đó có các doanh nghiệp hoạt động liên quan trực tiếp đến sản xuất lúa và kinh doanh gạo xuất khẩu vùng ĐBSCL để hạn chế rủi ro cho hoạt động tín dụng xuất khẩu, bởi khâu thẩm định có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng các khoản vay. Theo đó, khi xem xét cấp hạn mức tín dụng xuất khẩu gạo, NHPT nên căn cứ vào chất lượng khách hàng, chất lượng khoản vay thay vì căn cứ vào quy mô hợp đồng xuất khẩu gạo đã ký hay giá trị của L/C như hiện nay.

Thứ hai, để tạo điều kiện cho khách hàng, trong đó có các doanh nghiệp hoạt động liên quan trực tiếp đến sản xuất lúa và kinh doanh gạo xuất khẩu vùng ĐBSCL tiếp cận các nguồn vốn của NHPT, cần có chính sách phân loại khách hàng để có biện pháp áp dụng phù hợp. Đối với những khách hàng tốt, có thể xem xét tỷ lệ tài sản thế chấp thấp hơn, hạn mức cho vay cao hơn, một mặt vẫn đảm bảo

hạn chế được rủi ro tín dụng, mặt khác có tác dụng khuyến khích, động viên khách hàng vay, nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh của mình.

Để làm được điều đó, cần có sự trao đổi thông tin giữa tổ chức cho vay, khách hàng vay xuất khẩu gạo cũng như các cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh...) và các đối tác khác để nắm bắt các thông tin đa dạng, đa chiều về hoạt động của doanh nghiệp xuất khẩu gạo.

Thứ ba, xây dựng quy trình quản lý, định giá tài sản hình thành từ vốn vay trong một số trường hợp đặc thù như tài sản hình thành từ vốn vay đối với ngành lúa gạo xuất khẩu trong cho vay thu mua lúa gạo xuất khẩu, mua giống lúa và vật tư cho sản xuất lúa gạo, mua máy móc canh tác lúa và máy móc chế biến gạo,... không được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay mà phải đảm bảo bằng kho hàng hoặc tài sản khác. Ngoài ra, chính sách tín dụng xuất khẩu cần nghiên cứu bổ sung nghiệp vụ thanh toán quốc tế và ngoại hối để tổ chức cho vay tín dụng xuất khẩu, trong đó có các doanh nghiệp hoạt động liên quan trực tiếp đến sản xuất lúa và kinh doanh gạo xuất khẩu vùng ĐBSCL có thể giám sát được nguồn thu từ hoạt động xuất khẩu gạo.

NHPT cần tiếp tục hoàn thiện dịch vụ thanh toán, xây dựng quy trình hướng dẫn kiểm soát dòng tiền xuất khẩu gạo. Hiện nay, NHPT chưa thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế và ngoại hối, mọi nguồn thu về của doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp hoạt động liên quan trực tiếp đến sản xuất lúa và kinh doanh gạo xuất khẩu vùng ĐBSCL

đều phải thông qua các NHTM nên cũng hạn chế tính chủ động của NHPT trong việc quản lý nguồn trả nợ của các khoản vay.

Việc hoàn thiện chính sách này tác động tới cả 3 đối tượng: người nông dân tăng cường đầu tư thâm canh, nâng cao hiệu quả sản xuất lúa gạo; các doanh nghiệp liên kết chặt chẽ với người nông dân trồng lúa trong cả khâu cung ứng đầu vào, cả khâu tiêu thụ, chế biến và xuất khẩu; các NHTM mở rộng cho vay và cung ứng các dịch vụ ngân hàng tiện ích khác cho lĩnh vực lúa gạo xuất khẩu.

4. Hoàn thiện cơ chế hoạt động nhằm nâng cao vai trò của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Hiện nay, hoạt động của các Quỹ đầu tư phát triển (ĐTPT) địa phương cho thúc đẩy sản xuất, thu mua, chế biến lúa gạo xuất khẩu ở vùng ĐBSCL còn mờ nhạt. Các nhu cầu đầu tư cho giống lúa mới có chất lượng cao, đầu tư cho kho hàng, đầu tư cho cơ sở chế biến gạo,... của các địa phương chưa được đáp ứng đủ. Trong khi đó, xuất khẩu gạo là lĩnh vực hoạt động trọng điểm của vùng ĐBSCL. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần phải triển khai áp dụng có hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương trực tiếp hỗ trợ phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh lúa gạo xuất khẩu.

Để triển khai có hiệu quả đối với hoạt động đầu tư cho lĩnh vực lúa gạo xuất khẩu, Quỹ ĐTPT cần quan tâm xem xét hoàn thiện một số vấn đề chính sau đây:

- Vận dụng cơ chế lãi suất linh hoạt hơn, phù hợp với đặc thù, tình hình tài chính của doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp hoạt động liên quan trực tiếp đến sản

xuất lúa và kinh doanh gạo xuất khẩu vùng ĐBSCL, bao gồm cả doanh nghiệp cung ứng đầu vào, cả doanh nghiệp thực hiện các khâu đầu ra của sản xuất lúa gạo,...

- Điều chỉnh danh mục cho vay theo hướng hỗ trợ nhiều hơn đối với lĩnh vực đầu tư cho cải tạo giống lúa, triển khai gieo trồng các giống lúa mới cho năng suất và chất lượng cao để xuất khẩu gạo, cho các doanh nghiệp đầu tư cơ sở xay xát, chế biến, xây dựng kho tàng cho hoạt động xuất khẩu gạo.

- Quan tâm hơn nữa tới danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương do UBND cấp tỉnh ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, như: giao thông nông thôn ở các vùng trồng lúa tập trung, bến cảng trong vùng,...

Thực hiện tốt giải pháp này cho phép phát huy vai trò hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương; đa dạng giải pháp tài chính góp phần thúc đẩy sản xuất và kinh doanh gạo xuất khẩu, môi trường tín dụng ngân hàng cho xuất khẩu gạo thuận lợi hơn, thúc đẩy sự phát triển mô hình liên kết giữa các nhà trong lĩnh vực lúa gạo xuất khẩu.

5. Nghiên cứu mở rộng đối tượng cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định của Chính phủ

Thời gian qua, hoạt động cho vay hỗ trợ lãi suất nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 và hiện nay là Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ đã được các NHTM triển khai tích cực và đã đem lại

những kết quả nhất định trong việc hỗ trợ nông dân trang bị thêm những công cụ sản xuất cần thiết, trên cơ sở đó góp phần gia tăng nguồn cung ứng lúa gạo cho xuất khẩu.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được cũng còn những bất cập, cụ thể, các loại máy móc theo quy định được hỗ trợ phải là hàng nội địa hóa từ 60% trở lên. Tuy nhiên, những loại thiết bị này chất lượng chưa cao, năng suất thấp như: máy gặt đập lúa liên hợp, người dân mua về sử dụng thường xuyên bị hư hỏng phải sửa chữa nhưng giá cả lại cao tương đương với sản phẩm cùng loại hàng nhập khẩu có chất lượng tốt hơn. Do vậy, đa số người dân chọn mua các loại máy nhập khẩu hoạt động có hiệu quả, năng suất chất lượng cao, dễ sử dụng, thu hồi vốn nhanh, do đó, dư nợ cho vay đối tượng này tại các NHTM đạt thấp. Quy định như trên nhằm khuyến khích sản xuất và nội địa hóa. Tuy nhiên, xét trên góc độ cạnh tranh trong kinh tế thị trường, khía cạnh chất lượng hàng hóa và cụ thể với người nông dân họ phải chịu thiệt thòi nhất định.

Vì vậy, các cơ quan chức năng cần nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi Quyết định 68/2013/QĐ-TTg theo hướng mở rộng đối tượng cho vay, chính sách hỗ trợ lãi suất giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông dân, không giới hạn chi phí mua sắm đối với loại máy móc thiết bị có tỷ lệ nội địa hóa từ 60% trở lên, không phân biệt máy móc thiết bị sản xuất trong nước với nhập khẩu 100%.

Thực hiện thay đổi này sẽ thiết thực phát triển sản xuất và xuất khẩu gạo nói chung cũng như khu vực ĐBSCL nói riêng.

6. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách nhà nước cho thu mua lúa gạo tạm trữ để người sản xuất lúa đồng bằng sông Cửu Long được hưởng lợi trực tiếp

Chính sách thu mua tạm trữ lúa, gạo của Chính phủ mỗi khi bước vào thời điểm thu hoạch rộ ở khu vực ĐBSCL trong nhiều năm qua được nhìn nhận là một chủ trương đúng và phù hợp với tình hình, giúp tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp chủ động trong thu hoạch, tiêu thụ lúa, góp phần kiểm chế tình trạng sụt giá. Mặc dù vậy, tác động từ chính sách này chưa lớn như mong muốn của các ngành chức năng cũng như của người nông dân trồng lúa ở khu vực ĐBSCL khi việc phân giao chỉ tiêu thu mua chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu thụ lúa.

Theo đó, chỉ tính riêng năm 2014, các NHTM đã đạt doanh số cho vay thu mua lúa gạo lên tới khoảng 94.350 tỷ đồng, trong đó riêng doanh số cho vay tại các địa phương vùng ĐBSCL đạt trên 73.000 tỷ đồng, chiếm tới 77% doanh số cho vay lĩnh vực này trong toàn quốc. Doanh số cho vay mua lúa gạo tạm trữ vụ Đông Xuân 2014 - 2015 đạt 8.292 tỷ đồng, đạt 99% chỉ tiêu được giao, cao nhất trong các đợt thu mua từ trước tới nay. Đến cuối tháng 6/2015, dư nợ cho vay lúa gạo toàn quốc đạt khoảng trên 37.000 tỷ đồng, tăng 31,6% so với cuối năm 2014.

Việc xác định ai được hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình triển khai chính sách này vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Trong nhiều năm qua, Chính phủ giao cho Hiệp hội Lương thực Việt Nam tổ chức phân giao cho các đơn vị tổ chức thu mua. Tuy nhiên hiệu quả, lợi ích không phải lúc nào cũng đến được

với người nông dân trồng lúa.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, thu mua tạm trữ lúa, gạo không phải là giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho nông dân mà là giải pháp để điều tiết thị trường, hỗ trợ thu mua lúa trong giai đoạn cao điểm thu hoạch lúa nhằm đẩy giá lúa lên theo chiều hướng có lợi cho nông dân. Hiện chưa có giải pháp nào khả thi hơn giải pháp này khi giá lúa thị trường có xu hướng giảm xuống.

Thực tế chương trình thu mua tạm trữ thời gian qua mới chỉ có một số hộ nông dân bán được lúa cho các công ty lương thực, còn lại các hộ phải bán qua “trung gian” nên bị chịu thiệt hại từ 50 - 150 đồng/kg.

Từ thực trạng trên, tác giả xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn chính sách hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách nhà nước cho thu mua lúa gạo tạm trữ để người sản xuất lúa vùng ĐBSCL được hưởng lợi trực tiếp.

- Thứ nhất, việc phân bổ chỉ tiêu thu mua tạm trữ cần phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa Hiệp hội Lương thực Việt Nam và Ủy ban Nhân dân các tỉnh. Chính phủ giao việc thu mua tạm trữ lúa, gạo về các địa phương để các địa phương căn cứ vào sản lượng lúa trên địa bàn và năng lực của doanh nghiệp để phân bổ trực tiếp sản lượng thu mua, giúp giải quyết tốt hơn bài toán sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu gạo.

- Thứ hai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên việc thực hiện chính sách này. Nếu các doanh nghiệp được giao chỉ tiêu thu mua tạm trữ lúa, gạo vi phạm

các quy định của Quy chế kiểm tra, giám sát việc thu mua lúa gạo do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành sẽ không được hưởng hỗ trợ lãi suất theo Điều 3 của Quyết định số 850/QĐ-TTg mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt.

Việc thu mua, tạm trữ trong nhiều thời điểm khiến nhiều doanh nghiệp lo ngại do lúa trong kho chưa giải phóng được, hợp đồng xuất khẩu gạo chưa được kí kết tiếp trong khi lại tiếp tục mua vào. Mặc dù vậy, trong tương lai gần vẫn chưa có biện pháp nào tối ưu hơn chương trình thu mua tạm trữ trong thời điểm thu hoạch rộ lúa ở khu vực ĐBSCL. Mua tạm trữ lúa gạo với ưu đãi về lãi suất ngân hàng thường được cho là “miếng bánh ngon” của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo, nông dân cũng rất kỳ vọng vào chương trình này mỗi khi thu hoạch rộ, nhưng trong tình trạng tồn kho xảy ra trên cả thị trường thế giới thì tình hình sẽ rất khó khăn cho cả nông dân và doanh nghiệp. Đã là “miếng bánh ngon” dễ nảy sinh tình trạng xin cho, dễ nảy sinh tiêu cực mà người nông dân không được hưởng lợi. Vì vậy, cần có chính sách ưu đãi lãi suất, hỗ trợ lãi suất trực tiếp cho người nông dân trồng lúa.

Đề nghị bổ sung thêm đối tượng vay tạm trữ thóc gạo là hộ nông dân, do hộ dân có nhu cầu mua các loại thiết bị bảo quản sau thu hoạch như lò sấy, kho chứa,... để dự trữ số thóc đã thu hoạch được sau vụ mùa, đợi khi tăng giá mới bán để đảm bảo lợi nhuận trong sản xuất.

- Thứ ba, để nâng cao chất lượng lúa gạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn các tỉnh, thành phố hướng dẫn sản xuất, sử dụng các giống lúa xác nhận, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến; đồng thời, khuyến khích nhân rộng mô hình canh đồng mẫu lớn, gắn kết doanh nghiệp với nông dân trong sản xuất lúa gạo hàng hóa có chất lượng và giá trị gia tăng cao.

Tình trạng ở khu vực ĐBSCL nhiều thời điểm giá lúa xuống không đáng ngại mà việc không xuất khẩu được còn nghiêm trọng hơn. Hiện tình trạng dư thừa lúa gạo xảy ra trên toàn thế giới, từng hộ nông dân phải tự giảm giá thành sản xuất để nâng cao sức cạnh tranh. Vì vậy, kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa ra cơ chế tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước cần hỗ trợ người nông dân khi sản xuất lúa

phải cố gắng giảm sử dụng các loại hóa chất, vì theo tính toán của Cục Trồng trọt, vật tư nông nghiệp chiếm 60% giá thành lúa.

Bên cạnh đó, năng lực tìm kiếm thị trường cho hạt gạo Việt Nam cũng phải tăng lên với sự hỗ trợ của các ngành chức năng, các thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời, cùng với sự nỗ lực giảm giá thành của nông dân, giá chào hàng của gạo Việt Nam phải cạnh tranh với các nước khác. Cả hai lĩnh vực sản xuất và thương mại phải kết hợp, hỗ trợ nhau thì gạo Việt Nam mới đứng vững trên thị trường quốc tế.

- Thứ tư, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ,... cần triển khai thực hiện kiểm toán, thanh tra kết quả thực hiện chính sách này, đặc biệt là đánh giá thực trạng kết quả có đảm bảo đúng khối

lượng thu mua từng vụ thu hoạch hay không? đồng thời, đánh giá kết quả đó có đem lại lợi ích thực sự cho người sản xuất hay không? Bên cạnh đó, cần đánh giá sự phối hợp của các địa phương khu vực ĐBSCL trong triển khai chính sách nói trên.

Trong thời gian qua, các giải pháp cho thúc đẩy xuất khẩu gạo vùng ĐBSCL mới nổi lên các hoạt động từ phía NHTM, còn giải pháp từ ngành tài chính còn mờ nhạt. Hy vọng sớm có sự hoàn thiện các giải pháp từ ngành tài chính trong sự phối hợp chặt chẽ với NHTM. ■

Nguồn:

- Viện Chiến lược và Chính sách tài chính
- Bộ Tài chính
- Tổng cục Thống kê
- NHNN Việt Nam
- Một số nguồn khác

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH LÁNG HÒA LẠC

VietinBank

Nâng giá trị cuộc sống

Kỷ niệm 61 năm

*Ngày Giải phóng thủ đô
(10/10/1954 - 10/10/2015)*



Mạng lưới chi nhánh:

1. Phòng giao dịch Bình Phú
Khu CN Bình Phú, Huyện Thạch Thất, TP Hà Nội
Tel: 0433928768
2. Phòng giao dịch Trung Chính
Văn phòng 1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phố Hoàng Đạo
Thúy, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội
Tel: 0462818324
3. Phòng giao dịch Chương Mỹ
Số 58, khu Bắc Sơn, TT Chúc Sơn, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội
Tel: 0433716096
4. Phòng Giao dịch Hoàng Cầu
Tổ 1E, Phố Hoàng Cầu, P.Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
Tel: 0435351558
5. Quỹ tiết kiệm số 06
Tầng 1, tòa nhà E1, chung cư Chelsea Pack, KĐT Yên Hòa, Q.
Cầu Giấy, HN

Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai - Huyện Chương Mỹ - Tp. Hà Nội
ĐT: 043.3724 546 Fax: 043.3723 541